|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /2020/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**NGHỊ ĐỊNH**

DỰ THẢO

-4)

0

4)

)

**Quy định việc tổ chức đối thoại**

**và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc tổ chức đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định việc tổ chức đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 63 của Bộ luật Lao động.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 3 của Bộ luật Lao động.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc tổ chức đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc quy định tại Nghị định này.

**Điều 3. Nguyên tắc đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc**

1. Thiện chí, hợp tác, trung thực, bình đẳng, công khai và minh bạch.

2. Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc không được trái pháp luật và đạo đức xã hội.

**Chương II**

**TỔ CHỨC ĐỐI THOẠI TẠI NƠI LÀM VIỆC**

**Điều 4.** **Trách nhiệm tổ chức đối thoại tại nơi làm việc**

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) để tổ chức các hoạt động đối thoại tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động.

Ở nơi làm việc có người lao động không tham gia là thành viên của bất kỳ tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở nào thì người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện để những người lao động này tự lựa chọn ra một số thành viên đại diện cho họ (sau đây gọi là nhóm đại diện người lao động) để tham gia vào đối thoại với người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động. Số lượng thành viên nhóm đại diện người lao động xác định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Sau khi lấy ý kiến tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) và nhóm đại diện người lao động (nếu có), người sử dụng lao động có trách nhiệm quy định cụ thể trong Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc các nội dung chủ yếu sau để tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động:

a) Nguyên tắc đối thoại tại nơi làm việc;

b) Số lượng, thành phần tham gia đối thoại của mỗi bên theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;

c) Số lần, thời gian tổ chức đối thoại định kỳ hằng năm;

d) Cách thức tổ chức đối thoại định kỳ, đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên, đối thoại khi có vụ việc;

đ) Trách nhiệm của các bên khi tham gia đối thoại theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động;

e) Các bảo đảm quyền lợi cụ thể áp dụng đối với người đại diện tham gia đối thoại của bên người lao động mà không phải là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở theo quy định tại Điều 176 của Bộ luật Lao động;

g) Các nội dung khác (nếu có).

3. Ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người sử dụng lao động có trách nhiệm:

a) Cử đại diện bên người sử dụng lao động tham gia đối thoại tại nơi làm việc theo quy định.

b) Bố trí địa điểm, thời gian và các điều kiện vật chất cần thiết khác để tổ chức các cuộc đối thoại tại nơi làm việc.

c) Báo cáo tình hình tổ chức đối thoại và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc với cơ quan quản lý nhà nước về lao động khi được yêu cầu.

4. Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và nhóm đại diện người lao động có trách nhiệm:

a) Cử thành viên đại diện tham gia đối thoại theo quy định.

b) Tham gia ý kiến với người sử dụng lao động về nội dung Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

c) Lấy ý kiến người lao động, tổng hợp và chuẩn bị nội dung đề nghị đối thoại.

d) Tham gia đối thoại với người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động, Nghị định này và Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

5. Khuyến khích người sử dụng lao động và người lao động, tổ chức đại diện người lao động tiến hành đối thoại ngoài những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động phù hợp với điều kiện thực tế, tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động tại nơi làm việc và quy định cụ thể trong Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

**Điều 5. Số lượng, thành phần tham gia đối thoại**

Số lượng, thành phần tham gia đối thoại tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động được quy định như sau:

1. Bên người sử dụng lao động

Căn cứ điều kiện tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động, người sử dụng lao động quyết định số lượng, thành phần đại diện cho mình để tham gia đối thoại bảo đảm ít nhất 03 người, gồm người đại diện theo pháp luật của người sử dụng lao động, các đại diện cần thiết khác và quy định trong Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

2. Bên người lao động

a) Căn cứ điều kiện tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động, cơ cấu, số lượng lao động sử dụng và các yếu tố bình đẳng giới, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và nhóm đại diện người lao động trao đổi với người sử dụng lao động để lựa chọn số lượng, cơ cấu, thành phần tham gia đối thoại của bên người lao động cho phù hợp nhưng phải bảo đảm số lượng: Ít nhất 03 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng dưới 50 lao động; ít nhất từ 04 đến 08 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng từ 50 đến dưới 150 lao động; ít nhất từ 09 đến 13 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng từ 150 đến dưới 300 lao động; ít nhất từ 14 đến 18 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng từ 300 đến dưới 500 lao động; ít nhất từ 19 đến 23 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng từ 500 đến dưới 1000 lao động; ít nhất 24 người, nếu người sử dụng lao động sử dụng từ 1000 lao động lao động trở lên.

Số lượng đại diện cụ thể tham gia đối thoại của bên người lao động phải được quy định trong quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

b) Căn cứ số lượng người đại diện đối thoại của bên người lao động quy định tại điểm a khoản này, các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và nhóm đại diện người lao động xác định số lượng đại diện tham gia đối thoại tương ứng theo tỷ lệ thành viên của mình trên tổng số lao động của người sử dụng lao động.

3. Việc xác định danh sách thành viên đại diện tham gia đối thoại của bên người sử dụng lao động và bên người lao động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện định kỳ ít nhất 2 năm một lần và công bố công khai tại nơi làm việc. Trong khoảng thời gian giữa 2 kỳ xác định thành viên tham gia đối thoại, nếu có thành viên đại điện không thể tiếp tục tham gia thì người sử dụng lao động hoặc từng tổ chức đại diện người lao động, nhóm đại diện người lao động xem xét, quyết định bổ sung thành viên thay thế của tổ chức mình và công bố công khai tại nơi làm việc.

4. Khi tiến hành tổ chức các cuộc đối thoại theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động, ngoài các thành viên tham gia đối thoại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, hai bên có thể thống nhất mời tất cả người lao động hoặc một số người lao động liên quan cùng tham gia đối thoại.

**Điều 6. Tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc**

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, nhóm đại diện người lao động tổ chức đối thoại định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật Lao động và Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

2. Thành phần tham gia đối thoại định kỳ là đại diện hai bên theo danh sách quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này, thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức đối thoại định kỳ do hai bên sắp xếp phù hợp với điều kiện thực tế và theo Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

3. Trước khi bắt đầu tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 05 ngày làm việc, các bên gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại.

4. Cuộc đối thoại định kỳ chỉ được tiến hành khi bên người sử dụng lao động có sự tham gia của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền và bên người lao động có sự tham gia của ít nhất 50% tổng số thành viên đại diện quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này. Diễn biến nội dung cuộc đối thoại phải được ghi thành biên bản và có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của người sử dụng lao động hoặc người được ủy quyền và chữ ký của người đại diện cho những thành viên của từng tổ chức đại diện người lao động (nếu có) và người đại diện cho nhóm đại diện người lao động (nếu có).

5. Kết thúc đối thoại, người sử dụng lao động có trách nhiệm công bố công khai tại nơi làm việc; tổ chức đại diện người lao động (nếu có), nhóm đại diện người lao động (nếu có) phổ biến đến người lao động là thành viên của tổ chức mình những nội dung chính của cuộc đối thoại.

**Điều 7. Tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên**

1. Việc tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên được tiến hành khi nội dung yêu cầu đối thoại của bên đề nghị đối thoại bảo đảm các điều kiện sau:

a) Đối với bên người sử dụng lao động, nội dung yêu cầu đối thoại phải được sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật của người sử dụng lao động.

b) Đối với bên người lao động, nội dung yêu cầu đối thoại phải được sự đồng ý của ít nhất 30% số thành viên đại diện người lao động tham gia đối thoại quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Khi nhận được nội dung yêu cầu đối thoại quy định tại khoản 1 Điều này, người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, nhóm đại diện người lao động có trách nhiệm phối hợp, tiến hành tổ chức đối thoại.

3. Số lượng, thành phần tham gia, thời gian, địa điểm tổ chức đối thoại do hai bên xác định theo Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

4. Diễn biến nội dung cuộc đối thoại phải được ghi thành biên bản và có chữ ký của đại diện các bên tham gia đối thoại theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

5. Kết thúc đối thoại, người sử dụng lao động có trách nhiệm công bố công khai tại nơi làm việc, tổ chức đại diện người lao động (nếu có), nhóm đại diện người lao động (nếu có) phổ biến đến người lao động là thành viên của tổ chức mình những nội dung chính của cuộc đối thoại.

**Điều 8. Tổ chức đối thoại khi có vụ việc**

1. Đối với vụ việc người sử dụng lao động phải tham khảo, trao đổi ý kiến với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở về quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36; cho thôi việc đối với người lao động theo quy định tại Điều 42; phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 44; thang lương, bảng lương và định mức lao động theo quy định tại Điều 93; quy chế thưởng theo quy định tại Điều 104 và nội quy lao động theo quy định tại Điều 118 của Bộ luật Lao động được thực hiện như sau:

a) Người sử dụng lao động có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo nội dung cần tham khảo, trao đổi ý kiến cho các thành viên đại diện tham gia đối thoại của các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và nhóm đại diện người lao động (nếu có).

b) Các thành viên đại diện tham gia đối thoại của từng tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, nhóm đại diện người lao động có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến các thành viên, người lao động do mình đại diện và tổng hợp thành văn bản của tổ chức đại diện người lao động, nhóm đại diện người lao động để gửi tới người sử dụng lao động.

c) Căn cứ vào ý kiến của các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, nhóm đại diện người lao động, người sử dụng lao động tổ chức đối thoại để thảo luận, trao đổi ý kiến, tham vấn, chia sẻ thông tin về những nội dung người sử dụng lao động đưa ra.

d) Số lượng, thành phần tham gia, thời gian, địa điểm tổ chức đối thoại do hai bên xác định theo Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

đ) Diễn biến nội dung cuộc đối thoại phải được ghi thành biên bản và có chữ ký của đại diện các bên tham gia đối thoại theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

e) Kết thúc đối thoại, người sử dụng lao động có trách nhiệm công bố công khai tại nơi làm việc, tổ chức đại diện người lao động (nếu có), nhóm đại diện người lao động (nếu có) phổ biến đến người lao động là thành viên của tổ chức mình những nội dung chính của cuộc đối thoại*.*

2. Đối với vụ việc tạm đình chỉ công việc của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 128 của Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động mà người lao động bị cho thôi việc hoặc bị tạm đình chỉ công việc là thành viên có thể trao đổi bằng văn bản hoặc thông qua trao đổi trực tiếp giữa đại diện tham gia đối thoại của bên người sử dụng lao động và đại diện đối thoại của tổ chức đại diện người lao động.

**Chương III**

**THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TẠI NƠI LÀM VIỆC**

**Điều 9. Nội dung, hình thức người sử dụng lao động phải công khai**

1. Người sử dụng lao động phải công khai với người lao động những nội dung sau:

a) Tình hình sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động;

b) Nội quy lao động, thang lương, bảng lương, định mức lao động, nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của người lao động;

c) Các thỏa ước lao động tập thể mà người sử dụng lao động tham gia;

d) Việc trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ do người lao động đóng góp (nếu có);

đ) Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

e) Tình hình thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động;

g) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này mà pháp luật quy định cụ thể hình thức công khai thì người sử dụng lao động thực hiện công khai theo quy định đó, trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thì người sử dụng lao động căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động và nội dung phải công khai để lựa chọn hình thức sau đây và thể hiện trong Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định tại Điều 14 Nghị định này:

a) Niêm yết công khai tại nơi làm việc;

b) Thông báo tại các cuộc họp, các cuộc đối thoại giữa người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động, nhóm đại diện người lao động;

c) Thông báo bằng văn bản cho tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở để thông báo đến người lao động;

d) Thông báo trên hệ thống thông tin nội bộ;

đ) Các hình thức khác mà pháp luật không cấm.

**Điều 10. Nội dung, hình thức người lao động được tham gia ý kiến**

1. Người lao động được tham gia ý kiến về những nội dung sau:

a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động;

b) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động; đề xuất nội dung thương lượng tập thể;

c) Đề xuất, thực hiện giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ;

d) Các nội dung khác liên quan đến quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này mà pháp luật quy định cụ thể hình thức người lao động tham gia ý kiến thì thực hiện theo quy định đó; trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức thì người sử dụng lao động căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động và nội dung người lao động được tham gia ý kiến để lựa chọn hình thức sau đây và thể hiện trong Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định tại Điều 14 Nghị định này:

a) Tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua tổ chức đại diện người lao động, nhóm đại diện người lao động tại hội nghị người lao động, đối thoại tại nơi làm việc;

b) Gửi góp ý, kiến nghị trực tiếp;

c) Các hình thức khác mà pháp luật không cấm.

**Điều 11. Nội dung, hình thức người lao động được quyết định**

1. Người lao động được quyết định những nội dung sau:

a) Giao kết, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

b) Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở;

c) Tham gia hoặc không tham gia đình công theo quy định của pháp luật;

d) Biểu quyết nội dung thương lượng tập thể đã đạt được để ký kết thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật;

đ) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức quyết định của người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 12. Nội dung, hình thức người lao động được kiểm tra, giám sát**

1. Người lao động được kiểm tra, giám sát những nội dung sau:

a) Việc thực hiện hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể;

b) Việc thực hiện nội quy lao động, các quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động;

c) Việc sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp;

d) Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động;

đ) Việc thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

2. Hình thức kiểm tra, giám sát của người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Hội nghị người lao động**

1. Hội nghị người lao động do người sử dụng lao động phối hợp với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) và nhóm đại diện người lao động (nếu có) tổ chức hằng năm theo hình thức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu.

2. Nội dung hội nghị người lao động thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Bộ luật Lao động và các nội dung khác do hai bên thỏa thuận.

3. Hình thức tổ chức hội nghị, nội dung, thành phần tham gia, thời gian, địa điểm, quy trình, trách nhiệm tổ chức thực hiện và hình thức phổ biến kết quả hội nghị người lao động thực hiện theo Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc quy định tại Điều 14 Nghị định này.

**Điều 14. Trách nhiệm ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc**

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để thực hiện các nội dung quy định về đối thoại tại nơi làm việc và thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc quy định tại Nghị định này.

2. Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc phải có sự tham gia ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) và nhóm đại diện người lao động (nếu có).

3. Quy chế dân chủ ở cơ sở phải được phổ biến công khai tới người lao động tại nơi làm việc.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng ... năm 20....

Nghị định số 149/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Người sử dụng lao động sử dụng dưới 10 người lao động được miễn trừ tổ chức hội nghị người lao động quy định tại Điều 13 và ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc quy định tại Điều 14 của Nghị định này.

3. Người sử dụng lao động là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thì không áp dụng quy định tại Nghị định này.

**Điều 16. Trách nhiệm thi hành**

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, ĐMDN (2b). KN205 | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |